

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35COT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 1230671006-804 - To ãn ng đ ng 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3574011157	35COT1	L ng Di u	An	3 /19/1993				8.5			8.5	2.6	4.3	3.0	5.6	
2	3471010010	34CCD1	B ãi Tu n	Anh	22/05/1991				8.3			8.3	2.5	7.3	5.1	7.6	
3	3574010500	35COT1	Tr n Th ch	Anh	08/02/1993				6.0			6.0	1.8	1.0	0.7	2.5	
4	3574011685	35COT2	Ph m V ã	B c	17/04/1993				5.0			5.0	1.5	1.3	0.9	2.4	
5	3471010026	34CCD3	Nguy n Thanh	Bình	02/03/1991				9.3			9.3	2.8	6.0	4.2	7.0	
6	3571011622	35CCĐ7	Nguy n M nh	Công	05/11/1993				8.5			8.5	2.6	1.3	0.9	3.5	
7	3475050007	34CNVL	ñ m Quang	C ng	30/04/1992				8.3			8.3	2.5	6.5	4.6	7.0	
8	3475050004	34CNVL	Nguy n Vi t	Chánh	02/01/1992				9.8			9.8	2.9	7.5	5.3	8.2	
9	3574011110	35COT1	L ² Tr ng	Duy	14/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3475010059	34CLC-DD1	Nguy n T n	ñ t	18/02/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	3471010086	34CCD3	Tr n T n	ñ t	01/08/1992				5.0			5.0	1.5	3.0	2.1	3.6	
12	3471010090	34CCD3	Nguy n Kh c	ñ i p	14/02/1991				5.5			5.5	1.7	3.0	2.1	3.8	
13	3574011124	35COT1	Phan V ã	ñ i p	02/11/1993				9.0			9.0	2.7	2.3	1.6	4.3	
14	3471010105	34CCD4	Tr n Trung	ñ c	04/05/1992				2.0			2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	HOC CHUNG LOP 1
15	3475050011	34CNVL	ñ ng Thanh	H i	24/04/1992				7.5			7.5	2.3	6.3	4.4	6.7	
16	3571011349	35CCĐ6	V ½ Qu c	Hi u	29/07/1993				6.0			6.0	1.8	4.3	3.0	4.8	
17	3475050013	34CNVL	Ho ã V ã	Hi n	05/09/1992				10.0			10.0	3.0	4.0	2.8	5.8	
18	3475010086	34CXD6	Nguy n Ho ã	Hi p	28/06/1992				9.0			9.0	2.7	8.0	5.6	8.3	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35COT1 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ãT : H c ph n : 1230671006-804 - To ãn ng d ng 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
19	3574011098	35COT1	Huñnh VÑh	Hoàng	22/03/1993				6.0			6.0	1.8	2.0	1.4	3.2	
20	3474010023	34COT2	Bùi Xuân	Hóa	03/12/1991				8.0			8.0	2.4	3.3	2.3	4.7	HC LOP 1
21	3471010148	34CCD7	Nguy n B	Huy	28/02/1990				8.0			8.0	2.4	5.5	3.9	6.3	
22	3575011248	35CLC1-DD	Ph m Nguy n Duy	Linh	10/10/1993				8.5			8.5	2.6	2.8	2.0	4.5	
23	3475050019	34CNVL	ñ Hoñg	Long	20/09/1992				6.0			6.0	1.8	5.8	4.1	5.9	
24	3571011210	35CCĐ3	Phan VÑh Minh	Luân	09/12/1992				7.8			7.8	2.3	5.5	3.9	6.2	
25	3471010210	34CLC-CD	Huñnh Quang	Minh	11/08/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	3475010156	34CXD2	Hoñg Nh t	Nam	13/12/1992				8.8			8.8	2.6	3.3	2.3	5.0	
27	3571011456	35CCĐ3	L ² VÑh	Ngh	10/07/1993				10.0			10.0	3.0	5.3	3.7	6.7	
28	3575010737	35CLC1-DD	Nguy n Duy	Nguyễn	22/02/1993				7.0			7.0	2.1	6.0	4.2	6.3	
29	3575010817	35CXD1	Ng» VÑh	Nh n	10/08/1993				8.3			8.3	2.5	4.3	3.0	5.5	
30	3471010238	34CCD6	B ãi ã c	Nhu n	18/09/1992				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	3475010189	34CXD6	Tr n Trung	Phi	20/10/1991				5.8			5.8	1.7	4.3	3.0	4.8	
32	3475010197	34CXD1	Ngô Thanh	Phúc	12/03/1991				4.3			4.3	1.3	5.0	3.5	4.8	
33	3471010253	34CCD1	Lê Anh	Ph ãg	24/07/1992				8.0			8.0	2.4	3.8	2.7	5.1	
34	3571011401	35CCĐ6	Huñnh Minh	Quang	19/05/1992				6.5			6.5	2.0	1.0	0.7	2.7	
35	3574011697	35COT1	Nguy n Kh c	Tâm	09/12/1992				9.0			9.0	2.7	4.8	3.4	6.1	
36	3475050042	34CNVL	Nguy n VÑh	Tñh	20/05/1992				8.0			8.0	2.4	4.0	2.8	5.2	
37	3571011607	35CCĐ7	H L ² Minh	Tín	24/07/1993				9.0			9.0	2.7	4.8	3.4	6.1	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35COT1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 1230671006-804 - To ã n g d ã g 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N		NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñ I M THI	QUY TS : 70.00%	ñ I M TK	GHI CHÚ
						L1	L2	L3	L4	L5	L6						
38	3574011068	35COT1	L ² V ã	Tĩn	01/05/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
39	3471010377	34CCD1	Bùi Duy	Tùng	17/04/1992				8.0			8.0	2.4	5.8	4.1	6.5	
40	3574010509	35COT2	Lê Bá	Tùng	10/02/1993				0.0			0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
41	3475010325	34CXD6	Võ Thanh	Tùng	18/10/1992				9.0			9.0	2.7	4.5	3.2	5.9	
42	3574010389	35COT1	Ph m Tr ã g	Thành	17/03/1992				6.3			6.3	1.9	5.3	3.7	5.6	
43	3471010295	34CCD5	Tr ã n Qu c	Th ã nh	06/12/1990				10.0			10.0	3.0	6.0	4.2	7.2	
44	3575010470	35CXD4	V ½ Ng c	Th ã g	02/04/1993				5.5			5.5	1.7	3.3	2.3	4.0	THI CHUNG LOP (4)
45	3575011154	35CLC1-DD	Mai V ã	Th ã nh	20/10/1993				9.5			9.5	2.9	7.8	5.5	8.3	
46	3471010328	34CCD1	Nguy ã ã c	Th ã nh	23/05/1992				9.0			9.0	2.7	6.3	4.4	7.1	
47	3571010273	35CCĐ4	Ph m Thanh	Th ã nh	24/05/1993				8.5			8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	THI CHUNG LOP 2, H CHUNG L.1
48	3475050033	34CNVL	Nguy ã Minh	Thu ã n	10/10/1992				8.0			8.0	2.4	3.3	2.3	4.7	
49	3475010306	34CLC-DD1	H Ph ¾c	Tri ã n	22/07/1992				8.0			8.0	2.4	2.8	2.0	4.4	
50	3471010353	34CCD4	V ½ T ã ã c	Tr ã g	26/10/1992				0.0			0.0	0.0	2.8	2.0	2.0	
51	3575010456	35CXD4	Tr ã n Qu c	Trung	29/04/1993				7.5			7.5	2.3	3.0	2.1	4.4	THI CHUNG LOP (4)

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35COT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 1230671006-804 - T ấ n ấ d ấ g 2 H c km : HK03

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
52	3475050039	34CNVL	Ph m Duy Tr ấ g	03/10/1992				7.8			7.8	2.3	2.8	2.0	4.3	
53	3471010363	34CCD2	Ng» Th ấ g Tr ấ g	21/07/1992				8.0			8.0	2.4	4.3	3.0	5.4	
54	3471010395	34CCD7	Nguy n An Vĩnh	21/11/1992				8.5			8.5	2.6	3.5	2.5	5.0	
55	3475010352	34CXD6	L² Ng c V ấ h	25/02/1991				9.8			9.8	2.9	3.0	2.1	5.0	
56	3471010410	34CCD5	Tr n ấ ấ nh V ấ h	10/04/1992				4.0			4.0	1.2	5.3	3.7	4.9	
57	3475010350	34CXD5	B² Tu n V	05/07/1992				5.5			5.5	1.7	4.5	3.2	4.8	
58	3575011186	35CXD5	Ho ấ ng V ấ O	16/12/1993				7.0			7.0	2.1	2.0	1.4	3.5	

T ấ g s : 58 h c sinh sinh vĩ² n Tp.HCM, ngày / /
Tr ấ g Khoa Gi ấ o Vĩ² n B M»n Gi ấ o V Khoa